

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/HS-ST
Ngày: 21-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bận
2. Ông Đinh Tuấn Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 157/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình H

Sinh năm 1988; Tại: thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội. Chỗ ở trước khi phạm tội: 337/10/33/1 đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Q và con bà Nguyễn Thị C. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 15/7/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình xử phạt 07 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 28/12/2022 đến ngày 31/12/2022, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị H1 - sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố x, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

2. Bà Trịnh Thị Thu T – sinh năm 1984

Địa chỉ: 112/7A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

3. Bà Vương Thị Hạ H2 – sinh năm 1990

Địa chỉ: 335/1 đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Minh Đ – sinh năm 1997

Địa chỉ: 132 đường T, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

5. Ông Nguyễn Tùng D – sinh năm 1998

Địa chỉ: 181/9/28 đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

6. Ông Trịnh Thiện C – sinh năm 1987

Địa chỉ: Buôn C, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

7. Bà Trần Thái Tú U – sinh năm 1992

Địa chỉ: 52/24 đường T, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

8. Ông Võ Hùng P – sinh năm 1999

Địa chỉ: 45/2 đường L, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Công K – sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn x, xã HK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

10. Bà Từ Nguyễn Phi Y – sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn x, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

11. Ông Hoàng Ngọc H2 – sinh năm 1991

Địa chỉ: 178 đường Q, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

12. Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn x, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

13. Ông Hoàng Ngọc A – sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn x, xã HK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

14. Bà Cao Thị Phương T – sinh năm 2000

Địa chỉ: 501/6/10 đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2022, Nguyễn Đình H vào tỉnh Đắk Lắk để sinh sống và tìm kiếm việc làm. Khi sinh sống được một thời gian H thấy việc cho vay tiền với lãi suất cao thu lợi nhanh và nhiều nên đã nảy sinh ý định hoạt động cho vay tiền. H đã lên mạng xã hội Facebook để tìm những người có nhu cầu vay tiền và để lại số điện thoại 0876699822 và 0964954820, đồng thời sử dụng mạng Zalo mang tên “Nam Hoàng” (số điện thoại đăng ký 0876699822) và Zalo mang tên “Huy Dola” (số điện thoại đăng ký 0964954820) để hoạt động cho vay tiền. Khi có khách liên lạc hỏi vay tiền thì H hướng dẫn kết bạn Zalo từ 02 số điện thoại trên để được hướng dẫn cách thức vay và trả tiền. Khi khách hỏi hình thức vay H giải thích về hình thức cho vay đó là cho vay tiền trả góp và cho vay tiền đứng. Khi người vay đồng ý một trong hai hình thức vay thì H sẽ yêu cầu người vay ở xa gọi Zalo bằng video để xác minh nơi ở, nếu thấy được thì H sẽ đồng ý khoản tiền cho khách vay, đối với những khách vay có nơi ở gần thì H sẽ thuê xe taxi để đi trực tiếp đến xác minh. Sau khi xác minh H yêu cầu khách cung cấp số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền cho vay từ số tài khoản của H là 19032370664668 được mở tại Ngân hàng Techcombank và số tài khoản 0977400050 mở tại ngân hàng MB Bank mang tên “NGUYEN DINH HUU”. H quy định 02 hình thức cho vay, cụ thể: Cho vay góp trả gốc và lãi theo ngày và hình thức cho vay đứng 10 ngày trả tiền lãi một lần. Hình thức cho vay tiền góp thì quy định khách phải trả gốc và lãi theo ngày và không thu tiền phí của khách vay. Ví dụ nếu vay số tiền 5.000.000 đồng (đ), thời gian khách trả xong khoản vay là 25 ngày, mỗi ngày thu 250.000đ, khi thu đủ tiền gốc và lãi khoản vay này là 6.250.000đ, khoản vay này H hưởng được 1.250.000đ tiền lãi. Tương tự như vậy, khi khách vay 10.000.000đ, thời gian khách trả xong là 25 ngày, mỗi ngày H thu 500.000đ, thu đủ khoản vay này là 12.500.000đ, khoản vay này H thu được 2.500.000đ tiền lãi; Hình thức cho vay đứng H tự quy định theo kỳ, mỗi kỳ là 10 ngày, khi cho khách vay tiền thì cứ đủ 10 ngày H sẽ thu tiền lãi một lần, cứ như vậy thu đến khi nào khách vay trả xong tiền gốc và tiền lãi thì khoản vay kết thúc, lãi xuất là từ 10.000đ đến 15.000đ/1triệu/ngày tùy thuộc vào mỗi khách vay. Tương ứng với lãi suất cho vay tiền góp là 365%/01 năm và lãi suất cho vay tiền đứng là từ 365% đến 547,5%/ 01 năm.

Từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022, Nguyễn Đình H đã cho 14 người vay tiền với lãi suất cao tại tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Nông cụ thể như sau:

1. Bà Bùi Thị H1 (sinh năm: 1997, trú tại: Tổ dân phố x, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông), vay 08 lần cụ thể:

- Lần 1: Khoảng cuối tháng 9/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà H1 đã trả đủ nên H thu được 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986đ, thu lợi bất chính là: $2.500.000đ - 136.986đ = 2.363.014đ$.

- Lần 2: Khoảng giữa tháng 10/2022, vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 1.000.000đ, trong đó có 800.000đ tiền gốc và 200.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $1.000.000đ \times 25 = 25.000.000đ$, không thu phí. Bà H1 đã trả được 06 ngày nên H thu được 4.800.000đ tiền gốc và 1.200.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.753đ, thu lợi bất chính là: $1.200.000đ - 65.753đ = 1.134.247đ$.

- Lần 3: Ngày 27/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà H1 đã trả đủ nên H thu được 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986đ, thu lợi bất chính là: $2.500.000đ - 136.986đ = 2.363.014đ$.

- Lần 4: Ngày 05/12/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà H1 đã trả được 20 ngày nên H thu được 8.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 109.589đ, thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - 109.589đ = 1.890.411đ$.

- Lần 5: Ngày 07/12/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà H1 đã trả được 18 ngày nên H thu được 7.200.000đ tiền gốc và 1.800.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 98.630đ, thu lợi bất chính là: $1.800.000đ - 98.630đ = 1.701.370đ$.

- Lần 6: Ngày 12/12/2022, vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 750.000đ, trong đó có 600.000đ tiền gốc và 150.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $750.000đ \times 25 = 18.750.000đ$, không thu phí. Bà H1 đã trả được 13 ngày nên H thu được 7.800.000đ tiền gốc và 1.950.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 106.849đ, thu lợi bất chính là: $1.950.000đ - 106.849đ = 1.843.151đ$.

- Lần 7: Ngày 16/12/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, trong đó có 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $250.000đ \times 25 = 6.250.000đ$, không thu phí. Bà H1 đã trả được 09 ngày nên H thu được 1.800.000đ tiền gốc và 450.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 24.658đ, thu lợi bất chính là: $450.000đ - 24.658đ = 425.342đ$.

- Lần 8 (vay đứng): Ngày 28/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, với lãi suất là 10.000đ/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm). Bà H1 đã đóng được 20 ngày lãi với số tiền là 2.000.000đ tiền lãi và còn nợ lại

10.000.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 109.589đ, thu lợi bất chính là: $2.000.000đ - 109.589đ = 1.890.411đ$.

Như vậy, H đã cho bà H vay tổng cộng số tiền là **90.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **14.400.000đ** tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **789.041đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **13.610.959đ**. Đến nay bà H1 còn nợ H số tiền gốc: **40.400.000đ**.

2. Bà Trịnh Thị Thu T (sinh năm: 1984, trú tại: 112/7A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) vay 01 lần cụ thể: Đầu tháng 12/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà T đã trả được 17 ngày nên H thu được 6.800.000đ tiền gốc và 1.700.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 93.151đ, thu lợi bất chính là: $1.700.000đ - 93.151đ = 1.606.849đ$.

Như vậy, H đã cho bà T vay số tiền là **10.000.000đ**, tiền lãi đã thu là **1.700.000đ**, tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **93.151đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **1.606.849đ**. Đến nay bà T còn nợ H số tiền gốc: **3.200.000đ**.

3. Bà Vương Thị Hạ H2 (sinh năm 1990, trú tại: 335/1 Y Jút, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột), vay 02 lần cụ thể:

- Lần 1: Khoảng tháng 9/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, trong đó có 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $250.000đ \times 25 = 6.250.000đ$, không thu phí. Bà H2 đã trả đủ nên H thu được 5.000.000đ tiền gốc và 1.250.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493đ, thu lợi bất chính là: $1.250.000đ - 68.493đ = 1.181.507đ$.

- Lần 2: Tháng 12/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, trong đó có 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $250.000đ \times 25 = 6.250.000đ$, không thu phí. Bà H2 đã trả được 16 ngày nên H thu được 3.200.000đ tiền gốc và 800.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.836đ, thu lợi bất chính là: $800.000đ - 43.836đ = 756.164đ$.

Như vậy, H đã cho bà H2 vay tổng cộng số tiền là **10.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **2.050.000đ**, tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **112.329đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **1.937.671đ**. Đến nay bà Huyền còn nợ H số tiền gốc: **1.800.000đ**.

4. Ông Nguyễn Minh Đ (sinh năm 1997, trú tại: 132 đường Q, phường TA, thành phố B), vay 01 lần cụ thể: Ngày 30/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Ông Đ đã trả được 17 ngày nên H thu được 6.800.000đ tiền gốc và 1.700.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy

định của nhà nước là 93.151đ, thu lợi bất chính là: $1.700.000đ - 93.151đ = 1.606.849đ$.

Như vậy, H đã cho ông Đ vay số tiền là **10.000.000đ**, tiền lãi đã thu là **1.700.000đ**, tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **93.151 đồng** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **1.606.849đ**. Đến nay ông Đ còn nợ H số tiền gốc: **3.200.000đ**.

5. Ông **Nguyễn Tùng D** (sinh năm 1998, trú tại: 181/9/28 đường N, phường E, thành phố B), vay 01 lần cụ thể: Khoảng tháng 12/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, trong đó có 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $250.000đ \times 25 = 6.250.000đ$, không thu phí. Ông D đã trả được 18 ngày nên H thu được 3.600.000đ tiền gốc và 900.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.315đ, thu lợi bất chính là: $900.000đ - 49.315đ = 850.685đ$.

Như vậy, H đã cho ông D vay số tiền là **5.000.000đ**, tiền lãi đã thu là **900.000đ**, tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **49.315đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **850.685đ**. Đến nay ông Dương còn nợ H số tiền gốc: **1.400.000đ**.

6. Ông **Trịnh Thiện C** (sinh năm 1987, trú tại: Buôn C, xã HT, thành Phố B), vay 02 lần cụ thể như sau:

- Lần vay tiền góp: Ngày 23/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Ông C đã trả đủ nên H thu được 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986đ, thu lợi bất chính là: $2.500.000đ - 136.986đ = 2.363.014đ$.

- Lần vay tiền đứng: Ngày 11/12/2022, vay số tiền 3.000.000đ, với lãi suất là 15.000đ/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 547,5%/năm). Ông C đã đóng được 20 ngày lãi với số tiền là 900.000đ và còn nợ lại 3.000.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.877đ, thu lợi bất chính là: $900.000đ - 32.877đ = 867.123đ$.

Như vậy, H đã cho ông C vay tổng cộng số tiền là **13.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **3.400.000đ** tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **169.863đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **3.230.137đ**. Đến nay ông C còn nợ H số tiền gốc: **3.000.000đ**.

7. Bà **Trần Thái Tú U** (sinh năm 1992, trú tại: 57/24 đường T, phường K, thành Phố B), vay 04 lần cụ thể:

- Lần 1: Tháng 10/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 =$

12.500.000đ, không thu phí. Bà U đã trả đủ nên H thu được 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986đ, thu lợi bất chính là: $2.500.000đ - 136.986đ = 2.363.014đ$.

- Lần 2: Tháng 11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà U đã trả được 13 ngày nên H thu được 5.200.000đ tiền gốc và 1.300.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 71.233đ, thu lợi bất chính là: $1.300.000đ - 71.233đ = 1.228.767đ$.

- Lần 3: Ngày 20/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà U đã trả được 05 ngày nên H thu được 2.000.000đ tiền gốc và 500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 27.397đ, thu lợi bất chính là: $500.000đ - 27.397đ = 472.603đ$.

- Lần vay tiền đứng: Ngày 14/11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, với lãi suất là 15.000đ/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 547,5%/năm). Bà U đã đóng được 20 ngày lãi với số tiền là 3.000.000đ tiền lãi và còn nợ lại 10.000.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 109.589đ, thu lợi bất chính là: $3.000.000đ - 109.589đ = 2.890.411đ$.

Như vậy, H đã cho bà U vay tổng cộng số tiền là **40.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **7.300.000đ**, tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **345.205đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **6.954.795đ**. Đến nay bà Uyên còn nợ H số tiền gốc: **22.800.000đ**.

8. Ông Võ Hùng P (sinh năm 1999, trú tại: 45/2 đường L, phường T, thành phố B), vay 01 lần cụ thể: Ngày 28/11/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, trong đó có 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $250.000đ \times 25 = 6.250.000đ$, không thu phí. Ông P đã trả được 17 ngày nên H thu được 3.400.000đ tiền gốc và 850.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 46.575đ, thu lợi bất chính là: $850.000đ - 46.575đ = 803.425đ$.

Như vậy, H đã cho ông P vay số tiền là **5.000.000đ**, tiền lãi đã thu là **850.000đ**, tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **46.575đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **803.425đ**. Đến nay ông Phúc còn nợ H số tiền gốc: **1.600.000đ**.

9. Ông Nguyễn Công K (sinh năm 1994, trú tại: Thôn x, xã HK, thành Phố B), vay 02 lần cụ thể:

- Lần vay tiền góp: Ngày 07/12/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Ông K đã trả đủ nên H thu được

10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986đ, thu lợi bất chính là: $2.500.000đ - 136.986đ = 2.363.014đ$.

- Lần vay tiền đứng: Ngày 05/12/2022, vay số tiền 15.000.000đ, với lãi suất là 15.000đ/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 547,5%/năm). Ông K đã đóng được 20 ngày lãi với số tiền là 4.500.000đ tiền lãi và còn nợ lại 15.000.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 164.384đ, thu lợi bất chính là: $4.500.000đ - 164.384đ = 4.335.616đ$.

Như vậy, H đã cho ông K vay tổng cộng số tiền là **25.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **7.000.000đ** tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **301.370đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **6.698.630đ**. Đến nay ông K còn nợ H số tiền gốc: **15.000.000đ**.

10. Bà Từ Nguyễn Phi Y (sinh năm 2002, trú tại: Thôn 1, xã HT, thành phố B), vay 02 lần, cụ thể:

- Lần vay tiền góp: Ngày 17/12/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $500.000đ \times 25 = 12.500.000đ$, không thu phí. Bà Y đã trả được 04 ngày nên H thu được 1.600.000đ tiền gốc và 400.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 21.918đ, thu lợi bất chính là: $400.000đ - 21.918đ = 378.082đ$.

- Lần vay tiền đứng: Ngày 11/10/2022, vay số tiền 20.000.000đ, với lãi suất là 10.000đ/01 triệu/01 ngày (lãi suất tương ứng 365%/năm). Bà Y đã đóng được 70 ngày lãi với số tiền là 14.000.000đ tiền lãi và còn nợ lại 20.000.000đ tiền gốc. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 767.123đ, thu lợi bất chính là: $14.000.000đ - 767.123đ = 13.232.877đ$.

Như vậy, H đã cho bà Y vay tổng cộng số tiền là **30.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **14.400.000đ** tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **789.041đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **13.610.959đ**. Đến nay bà Y còn nợ H số tiền gốc: **28.400.000đ**.

11. Ông Hoàng Ngọc H3 (sinh năm 1991, trú tại: 178 đường Q, phường T, thành phố B), vay 02 lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 01/12/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, trong đó có 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: $250.000đ \times 25 = 6.250.000đ$, không thu phí. Ông H3 đã trả được 13 ngày nên H thu được 2.600.000đ tiền gốc và 650.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.616đ, thu lợi bất chính là: $650.000đ - 35.616đ = 614.384đ$.

- Lần 2: Ngày 07/12/2022, vay số tiền 3.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 170.000đ, trong đó có 120.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 608.333%/năm), nên khi trả đủ là: $170.000đ \times 25 = 4.250.000đ$, không thu phí. Ông H3 đã trả được 13 ngày nên H thu được

1.560.000đ tiền gốc và 650.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 21.370đ, thu lợi bất chính là: 650.000đ – 21.370đ = **628.630đ**.

Như vậy, H đã cho ông H3 vay tổng cộng số tiền là **8.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **1.300.000đ** tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **56.986đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **1.243.014đ**. Đến nay ông H3 còn nợ H số tiền gốc: **3.840.000đ**.

12. Bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1984, trú tại: Thôn 1, xã HT, thành phố B), vay 02 lần cụ thể:

- Lần 1: Tháng 11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: 500.000đ x 25 = 12.500.000đ, không thu phí. Bà P đã trả đủ nên H thu được 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986đ, thu lợi bất chính là: 2.500.000đ – 136.986đ = **2.363.014đ**.

- Lần 2: Tháng 12/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ, trong đó có 200.000đ tiền gốc và 50.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: 250.000đ x 25 = 6.250.000đ, không thu phí. Bà P đã trả được 12 ngày nên H thu được 2.400.000đ tiền gốc và 600.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.877đ, thu lợi bất chính là: 600.000đ – 32.877đ = **567.123đ**.

Như vậy, H đã cho bà P vay tổng cộng số tiền là **15.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **3.100.000đ** tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **169.863đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **2.930.137đ**. Đến nay bà P còn nợ H số tiền gốc: **2.600.000đ**.

13. Ông Hoàng Ngọc A (sinh năm 1995, trú tại: xã H, thành phố B), vay 01 lần cụ thể: Tháng 12/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: 500.000đ x 25 = 12.500.000đ, không thu phí. Ông A đã trả được 19 ngày nên H thu được 7.600.000đ tiền gốc và 1.900.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 104.110đ, thu lợi bất chính là: 1.900.000đ – 104.110đ = **1.795.890đ**.

Như vậy, H đã cho ông Ngọc A vay số tiền là **10.000.000đ**, tiền lãi đã thu là **1.900.000đ**, tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **104.110đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **1.795.890đ**. Đến nay ông Ngọc A còn nợ H số tiền gốc: **2.400.000đ**.

14. Bà Cao Thị Phương T (sinh năm 2000, trú tại: 501/6/10 đường L, phường E, thành phố B), vay 01 lần cụ thể: Tháng 9/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ, trong đó có 400.000đ tiền gốc và 100.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 365%/năm), nên khi trả đủ là: 500.000đ x 25 = 12.500.000đ, không thu phí. Bà T đã trả đủ nên H thu được 10.000.000đ tiền gốc và 2.500.000đ tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo

quy định của nhà nước là 136.986đ, thu lợi bất chính là: 2.500.000đ – 136.986đ = **2.363.014đ**.

Như vậy, H đã cho bà T vay số tiền là **10.000.000đ**, tiền lãi đã thu là **2.500.000đ**, tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **136.986đ** nên H đã thu lợi bất chính số tiền là **2.363.014đ**. Đến nay bà T đã trả hết số tiền gốc và lãi.

Với việc **Nguyễn Đình H** cho 14 người vay tiền nêu trên với 30 lượt vay, tổng số tiền cho vay là **281.000.000đ**, tổng số tiền lãi đã thu là **62.500.000đ**, tổng số tiền lãi cao nhất được Nhà nước quy định là **3.256.987đ** và thu lợi bất chính tổng số tiền là: **59.243.013đ**.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKS –P2 ngày 19/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã truy tố Nguyễn Đình H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã luận tội, phân tích, chứng minh các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với 03 điện thoại có gắn thẻ sim nêu trên bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với các giấy vay tiền gồm: Nguyễn Thị P, Nguyễn Tùng D, Võ Hùng P, Nguyễn Minh Đ, Hoàng Ngọc H2, Trần Thái Tú U, Vương Thị Hạ H1, Trần Thị Phượng Liên, Nguyễn Công K, Trịnh Thiện C, Hoàng Ngọc A thể hiện việc vay mượn tiền với bị cáo đã được điều tra làm rõ. Vì vậy, cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với một số giấy vay tiền, căn cước công dân đến nay CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk chưa làm việc được CQCSĐT tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau, cụ thể: 01 căn cước công dân mang tên Văn Thị Hoàng Hân, 01 căn cước công dân mang tên Lê Thị Tú Cẩm, 01 căn cước công dân mang tên Đình Quang Khánh, 01 căn cước công dân mang tên Đoàn Hoài Nam, 01 giấy vay tiền Lê

Thị Tú cầm, 01 giấy vay tiền Đoàn Hoài Nam, 01 giấy vay tiền Đinh Quang Khánh.

- Ngày 26/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 17 bằng hình thức trả lại cho chủ sở H hợp pháp gồm:

+ 01 căn cước công dân, 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị P cho bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984, trú tại: Thôn 1, xã HT, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Ngọc A cho ông Hoàng Ngọc A, sinh năm 1995, trú tại xã HK, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Võ Hùng P cho ông Võ Hùng P, sinh năm 1999, trú tại 45/2 đường L, phường T, thành phố B;

+ 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Ngọc Long cho bà Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1984, trú tại 112/7A đường N, phường T, thành phố B;

+ 01 giấy khai sinh mang tên Vương Thị Hạ H2 cho bà Vương Thị Hạ H2, sinh năm 1990, trú tại 335/đường Y, phường T, thành phố B;

+ 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh Đ cho ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1997, trú tại 132 đường T, phường TA, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tùng D cho ông Nguyễn Tùng D, sinh năm 1998, trú tại 181/9/28 đường N, phường E, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Thiện C cho ông Trịnh Thiện C, sinh năm 1987, trú tại buôn C, xã HT, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Ngọc H2 cho ông Hoàng Ngọc H2, sinh năm 1991, trú tại 178 đường Q, phường T, thành phố B;

- Truy thu số tiền **thu lợi bất chính** mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể:

1. Bà Bùi Thị H số tiền 13.610.959đ;
2. Bà Trịnh Thị Thu T số tiền 1.606.849đ
3. Bà Vương Thị Hạ H2 số tiền 1.937.671đ;
4. Ông Nguyễn Minh Đ số tiền 1.606.849đ;
5. Ông Nguyễn Tùng D số tiền 850.685đ;
6. Ông Trịnh Thiện C số tiền 3.230.137đ;
7. Bà Trần Thái Tú U số tiền 6.954.795đ;
8. Ông Võ Hùng P số tiền 803.425đ;
9. Ông Nguyễn Công K số tiền 6.698.630đ;
10. Bà Từ Nguyễn Phi Y số tiền 13.610.959đ;
11. Ông Hoàng Ngọc H3 số tiền 1.243.014đ;

12. Bà Nguyễn Thị P số tiền 2.930.137đ;
13. Ông Hoàng Ngọc A số tiền 1.795.890đ;
14. Bà Cao Thị Phương T số tiền 2.363.014đ.

Tổng cộng: **59.243.014đ** (Năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

- Truy thu sung quỹ nhà nước **số tiền gốc và tiền lãi** (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà các bị cáo đã thu được của người vay, cụ thể đối với từng người vay như sau:

1. Bà Bùi Thị H: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $49.600.000đ + 789.041đ = 50.389.041đ$;

2. Bà Trịnh Thị Thu T: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $6.800.000đ + 93.151đ = 6.893.151đ$;

3. Bà Vương Thị Hạ H1: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $8.200.000đ + 112.329đ = 8.312.329đ$;

4. Ông Nguyễn Minh Đ: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $6.800.000đ + 93.151đ = 6.893.151đ$;

5. Ông Nguyễn Tùng D: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $3.600.000đ + 49.315đ = 3.649.315đ$;

6. Ông Trịnh Thiện C: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $10.000.000đ + 169.863đ = 10.169.863đ$;

7. Bà Trần Thái Tú U: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $17.200.000đ + 345.205đ = 17.545.205đ$;

8. Ông Võ Hùng P: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $3.400.000đ + 46.575đ = 3.446.575đ$;

9. Ông Nguyễn Công K: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $10.000.000đ + 301.370đ = 10.301.370đ$;

10. Bà Từ Nguyễn Phi Y: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $1.600.000đ + 789.041đ = 2.389.041đ$;

11. Ông Hoàng Ngọc H3: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $4.160.000đ + 56.986đ = 4.216.986đ$;

12. Bà Nguyễn Thị P: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $12.400.000đ + 169.863đ = 12.569.863đ$;

13. Ông Hoàng Ngọc A: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $7.600.000đ + 104.110đ = 7.704.110đ$;

14. Bà Cao Thị Phương T: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $10.000.000đ + 136.986đ = 10.136.986đ$;

Tổng cộng: **154.616.986đ** (Một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

- Truy thu sung quỹ nhà nước **số tiền nợ gốc** mà những người đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo, gồm những người sau:

1. Bà Bùi Thị H số tiền 40.400.000đ;
2. Bà Trịnh Thị Thu T số tiền 3.200.000đ;
3. Bà Vương Thị Hạ H2 số tiền 1.800.000đ;
4. Ông Nguyễn Minh Đ số tiền 3.200.000đ;
5. Ông Nguyễn Tùng D số tiền 1.400.000đ;
6. Ông Trịnh Thiện C số tiền 5.500.000đ;
7. Bà Trần Thái Tú U số tiền 22.800.000đ;
8. Ông Võ Hùng P số tiền 1.600.000đ;
9. Ông Nguyễn Công K số tiền 15.000.000đ;
10. Bà Từ Nguyễn Phi Y số tiền 28.400.000đ;
11. Ông Hoàng Ngọc H3 số tiền 3.840.000đ;
12. Bà Nguyễn Thị P số tiền 2.600.000đ;
13. Ông Hoàng Ngọc A số tiền 2.400.000đ.

Tổng cộng: **132.140.000đ** (*Một trăm ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đình H không bào chữa tranh luận gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022, Nguyễn Đình H đã cho 14 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là **281.000.000 đồng**, tổng số tiền lãi đã thu là **62.500.000 đồng**, tổng số tiền lãi suất theo quy định

của Nhà nước là **3.256.987 đồng**. Từ việc cho những người vay tiền trên H đã thu lợi bất chính số tiền là **59.243.013 đồng** thì bị phát hiện xử lý. Do đó bị cáo Nguyễn Đình H đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Nguyễn Đình H theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quản lý nhà nước trong hoạt động tín dụng mà còn mang tính chất bóc lột, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng mức hình phạt phù hợp tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, HĐXX thấy cần thiết xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo, một số tiền thích hợp để nộp vào công quỹ Nhà nước.

[2.4] Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật hình sự: Xét thấy, bị cáo Nguyễn Đình H không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

[2.5] Bà Lê Thị Tú Cẩm (sinh năm 1994, trú tại: tổ dân phố x, phường E, thành phố B), H khai nhận tháng 12/2022, cho bà Tú Cẩm vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 750.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu được 06 ngày với số tiền 4.500.000đ. Bà Cẩm còn nợ lại 19 ngày với số tiền 14.250.000đ. Tuy nhiên, qua xác minh hiện nay Cẩm không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc và cho bị cáo gọi điện đến số máy: 0843780808 của Lê Thị Tú Cẩm. Kết quả: Số điện thoại không có. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài

khoản ngân hàng của H, xác định Cẩm có chuyển tiền đến số tài khoản của H, tuy nhiên Cẩm sử dụng dịch vụ chuyển tiền Smartlink nên không xác định được số tài khoản.

Ông Đạt (*trú tại: xã Hoà Thuận, thành phố Buôn Ma Thuột*), H khai nhận đầu tháng 12/2022, cho ông Đạt vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu đủ được số tiền gốc và lãi là 12.500.000đ. Tuy nhiên, H không xác định được tên đầy đủ, nhà ở của ông Đạt, nên cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an xã Hòa Thuận về nhân thân, lai lịch của ông Đạt. Kết quả: Công an xã H, thành phố B cũng không xác định được ông Đạt là ai và ở đâu. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc và cho bị cáo gọi điện đến số máy: 0838923183 của ông Đạt. Kết quả: Thuê bao do một người phụ nữ sử dụng. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định không phát sinh giao dịch giữa H và ông Đạt.

Bà Châu (*trú tại: xã Hoà Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột*), H khai nhận cho Châu vay 02 lần:

- Lần 1: Vào ngày 21/12/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu được 05 ngày với số tiền 2.500.000đ, số tiền gốc và lãi chưa thu 20 ngày với số tiền 10.000.000đ.

- Lần 2: Ngày 23/12/2022, vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu được 03 ngày với số tiền 750.000đ, số tiền gốc và lãi chưa thu được là 5.500.000đ.

Tuy nhiên, H không xác định được họ tên đầy đủ, nhà ở của bà Châu, nên cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột về nhân thân, lai lịch của bà Châu. Kết quả: Công an xã Hòa Thắng cũng không xác định được bà Châu là ai và ở đâu. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định Châu có chuyển tiền đến số tài khoản của H bằng số tài khoản: 254670758 mang tên TU NGUYEN PHI YEN, mở tại Ngân hàng VPbank. Tiến hành làm việc với Từ Nguyễn Phi Y xác định: Y và Châu chỉ là bạn bè xã hội gặp và biết nhau tại quán cà phê, Y giới thiệu cho Châu vay tiền của H, hàng ngày tại quán cà phê Châu đưa tiền góp cho Y nhờ Y chuyển khoản cho H. Y không biết nhân thân, lai lịch của Châu.

Bà Sang (*trú tại: xã Hoà Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột*), H khai nhận vào tháng 12/2022 cho bà Sang vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu được 03 ngày với số tiền 750.000đ, số tiền gốc và lãi chưa thu được là 5.500.000đ. Tuy nhiên, H không xác định được tên đầy đủ, nhà ở của bà Sang, nên cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an xã Hòa Thắng về nhân thân, lai lịch của bà Sang. Kết quả: Công an xã Hòa Thắng cũng không xác định được bà Sang là ai và ở đâu. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định Sang có chuyển tiền đến số tài khoản của H bằng số tài khoản: 254670758 mang tên TU NGUYEN PHI YEN, mở tại Ngân hàng VPbank. Tiến hành làm việc với Từ Nguyễn Phi Y xác định: Sang và Châu chỉ là bạn bè xã hội gặp và biết nhau tại

quán cà phê, Y giới thiệu cho Sang vay tiền của H, hàng ngày tại quán cà phê Sang đưa tiền góp cho Y nhờ Y chuyển khoản cho H. Y không biết nhân thân, lai lịch của Sang.

Ông Đinh Quang Khánh (*sinh năm 1991, trú tại: Tổ dân phố 1, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột*), H khai nhận cho Khánh vay 02 lần:

- **Lần 1:** Đầu tháng 11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu đủ với số tiền 12.500.000đ.

- **Lần 2:** Cuối tháng 11/2022, vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 500.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu được 02 ngày với số tiền 1000.000đ. Còn lại 23 ngày với số tiền 11.500.000đ chưa thu.

Tuy nhiên, qua xác minh hiện nay Khánh không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc và cho bị cáo gọi điện đến số máy: 0818179977 của ông Khánh. Kết quả: Thuê bao không liên lạc được. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định Khánh có chuyển tiền đến số tài khoản của H, H bằng số tài khoản: 63110000721230 mang tên DINH QUANG KHANH, mở tại Ngân hàng BIDV và số tài khoản: 0371000431210 mang tên DINH QUANG KHANH, mở tại Ngân hàng Vietcombank.

Ông Trần Viết Đông Ban (*trú tại: 399 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột*), H khai nhận tháng 12/2022 cho ông Ban vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày thu 250.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu đủ với số tiền 6.250.000đ. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Công an phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột xác định tại địa chỉ: 399 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không có ai tên Trần Viết Đông Ban. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc và cho bị cáo gọi điện đến thuê bao số 0923162510. Kết quả: Thuê bao không liên lạc được. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định không phát sinh giao dịch giữa H và ông Ban.

Ông Đoàn Hoài Nam (*sinh năm: 1992, nơi thường trú: Thôn Đoàn Kết, xã Ea Kmút, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở: 63 Y Wang, Thành phố Buôn Ma Thuột*), H khai nhận tháng 12/2022 cho vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này H đã thu được 02 ngày với số tiền 500.000đ, còn lại 23 ngày với số tiền 5.750.000đ. Tuy nhiên, qua xác minh hiện nay Nam không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc và cho bị cáo gọi điện đến số máy: 0364112907 của Nam. Kết quả: Thuê bao không liên lạc được. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định không phát sinh giao dịch giữa H và ông Nam.

Bà Thùy (*trú tại: Võ Văn Kiệt, thành phố Buôn Ma Thuột*), H khai nhận tháng 12/2022 bà Thùy vay H số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay 25 ngày, mỗi ngày phải trả 250.000đ tiền gốc và lãi. Khoản vay này đã đóng được 04 ngày với

số tiền 1.000.000đ. Còn nợ lại 21 ngày với số tiền 5.250.000đ, bà Thùy có thể chấp căn cước công dân số 066307001855 mang tên Văn Thị Hoàng Hân. Tuy nhiên, qua xác minh hiện nay bà Thùy và Văn Thị Hoàng Hân (con gái bà Thùy) không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không rõ. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc và cho bị cáo gọi điện đến số máy: 0942375767 của Thùy. Kết quả: Thuê bao không liên lạc được. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định không phát sinh giao dịch giữa H và bà Thùy.

Ông Linh (*trú tại: Tỉnh Long An*), H khai nhận tháng 11/2022 cho vay số tiền 5.000.000đ, với lãi suất là 15.000đ/01 triệu/ 01 ngày. Ông Linh đã trả được 50 ngày lãi với số tiền là 3.750.000đ tiền lãi và đã trả tiền gốc. Tuy nhiên, H không xác định được tên đầy đủ, nhà ở của ông Linh, nên cơ quan điều tra không thể tiến hành xác minh về nhân thân, lai lịch của ông Linh. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định không phát sinh giao dịch giữa H và ông Linh.

Đối với người có tên dùng zalo “Minh Đen” có nội dung tin nhắn được trích xuất ra từ ứng dụng zalo trong điện thoại Iphone 12 Pro của H thể hiện việc H và “Minh Đen” có trao đổi về việc cho vay tiền, tuy nhiên H khai nhận H và “Minh Đen” có mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội, không hoạt động cho vay tiền cùng với H. H không biết nhân thân, lai lịch của người này. Hiện tại “Minh Đen” ở đâu, làm gì H không biết, và cũng không còn liên lạc với nhau, mà H chỉ biết “Minh Đen” có hoạt động cho vay tiền tại tỉnh Long An nên nhắn tin hỏi thăm. Vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ để tiến hành xác minh làm việc với người có tên dùng zalo “Minh Đen”. Đồng thời kiểm tra bảng sao kê tài khoản ngân hàng của H, xác định không phát sinh giao dịch giữa H và ông “Minh Đen”.

Đối với việc Nguyễn Đình H khai báo cho một số người có tên Công Tươi, Nguyễn Huy Tâm, Dũng, Quang, Ven, Hùng, Hiếu, Lập sinh sống tại xã Thủy Xuân Tiên, Nam Phương Tiến, Đông Sơn của huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội vay tiền với lãi suất từ 1.000đ/01 triệu/01 ngày đến 1.500đ/01 triệu/01 ngày tương đương lãi suất từ 36,5% đến 54,7%/01 năm thì H không xác định được tên đầy đủ, nhà ở của những người trên và cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã Thủy Xuân Tiên, Nam Phương Tiến, Đông Sơn của huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội về nhân thân, lai lịch của những người trên nhưng vẫn không xác định được nhân thân, lai lịch.

Những hành vi nêu trên của Nguyễn Đình H thì CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định tách hành vi để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với việc Nguyễn Đình H cho Đỗ Bá Duyệt (*sinh năm 1988, trú tại thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội*); Phùng Thị Dịu (*sinh năm 1989, trú tại thôn Gò Cáo, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ*); Lê Hồng Sơn (*sinh năm 1989, trú tại thôn Xuân Trung, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ*); Nguyễn Xuân Hanh (*sinh năm 1989, trú tại thôn Hạnh Côn, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ*); Nguyễn Duy Khanh (*sinh năm 1974, trú tại xã*

Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ); Ngô Lương Quý (sinh năm 1989, trú tại Suối Sếu A, xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình) vay tiền với mức lãi suất dưới 100%/năm nên hành vi của H cho những người trên vay chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Vì vậy, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với việc Nguyễn Đình H vay tiền của Nguyễn Thị Tuyết (sinh năm 1959, trú tại số 1605 chung cư Victoria Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội); Nguyễn Thu Hường (sinh năm 1986, trú tại thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ); Nguyễn Thị Hương (sinh năm 1988, trú tại thôn Xuân Sen, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ); Nguyễn Đình Tinh (sinh năm 1990, trú tại thôn Gò Cáo, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ) với mức lãi suất dưới 100%/năm nên hành vi của những người cho H vay tiền nêu trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Vì vậy, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk không đề cập xử lý là có căn cứ.

[2.6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Đối với 03 điện thoại có gắn thẻ sim nêu trên bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với các giấy vay tiền gồm: Nguyễn Thị P, Nguyễn Tùng D, Võ Hùng P, Nguyễn Minh Đ, Hoàng Ngọc H2, Trần Thái Tú U, Vương Thị Hạ H1, Trần Thị Phương Liên, Nguyễn Công K, Trịnh Thiện C, Hoàng Ngọc A thể hiện việc vay mượn tiền với bị cáo đã được điều tra làm rõ. Vì vậy, cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với một số giấy vay tiền, căn cước công dân đến nay CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk chưa làm việc được CQCSĐT tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau, cụ thể: 01 căn cước công dân mang tên Văn Thị Hoàng Hân, 01 căn cước công dân mang tên Lê Thị Tú Cẩm, 01 căn cước công dân mang tên Đình Quang Khánh, 01 căn cước công dân mang tên Đoàn Hoài Nam, 01 giấy vay tiền Lê Thị Tú cẩm, 01 giấy vay tiền Đoàn Hoài Nam, 01 giấy vay tiền Đình Quang Khánh.

- Ngày 26/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 17 bằng hình thức trả lại cho chủ sở H hợp pháp gồm:

+ 01 căn cước công dân, 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị P cho bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984, trú tại: Thôn 1, xã H, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Ngọc A cho ông Hoàng Ngọc A, sinh năm 1995, trú tại xã H, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Võ Hùng P cho ông Võ Hùng P, sinh năm 1999, trú tại 45/2 L, phường T, thành phố B;

+ 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Ngọc Long cho bà Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1984, trú tại 112/7A N, phường T, thành phố B;

+ 01 giấy khai sinh mang tên Vương Thị Hạ H2 cho bà Vương Thị Hạ H2, sinh năm 1990, trú tại 335/1Y, phường T, thành phố B;

+ 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh Đ cho ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1997, trú tại 132 T, phường TA, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tùng D cho ông Nguyễn Tùng D, sinh năm 1998, trú tại 181/9/28 N, phường E, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Thiện C cho ông Trịnh Thiện C, sinh năm 1987, trú tại buôn C, xã H, thành phố B;

+ 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Ngọc H2 cho ông Hoàng Ngọc H2, sinh năm 1991, trú tại 178 Q, phường T, thành phố B.

[2.7] Về dân sự:

- Truy thu số tiền **thu lợi bất chính** mà bị cáo đã thu từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể:

1. Bà Bùi Thị H số tiền 13.610.959đ;
2. Bà Trịnh Thị Thu T số tiền 1.606.849đ
3. Bà Vương Thị Hạ H2 số tiền 1.937.671đ;
4. Ông Nguyễn Minh Đ số tiền 1.606.849đ;
5. Ông Nguyễn Tùng D số tiền 850.685đ;
6. Ông Trịnh Thiện C số tiền 3.230.137đ;
7. Bà Trần Thái Tú U số tiền 6.954.795đ;
8. Ông Võ Hùng P số tiền 803.425đ;
9. Ông Nguyễn Công K số tiền 6.698.630đ;
10. Bà Từ Nguyễn Phi Y số tiền 13.610.959đ;
11. Ông Hoàng Ngọc H3 số tiền 1.243.014đ;
12. Bà Nguyễn Thị P số tiền 2.930.137đ;
13. Ông Hoàng Ngọc A số tiền 1.795.890đ;
14. Bà Cao Thị Phương T số tiền 2.363.014đ.

Tổng cộng: **59.243.014đ** (Năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng).

- Truy thu sung quỹ nhà nước **số tiền gốc và tiền lãi** (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của người vay, cụ thể đối với từng người vay như sau:

1. Bà Bùi Thị H: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $49.600.000đ + 789.041đ = 50.389.041đ$;

2. Bà Trịnh Thị Thu T: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $6.800.000đ + 93.151đ = 6.893.151đ$;

3. Bà Vương Thị Hạ H2: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $8.200.000đ + 112.329đ = 8.312.329đ$;

4. Ông Nguyễn Minh Đ: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $6.800.000đ + 93.151đ = 6.893.151đ$;

5. Ông Nguyễn Tùng D: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $3.600.000đ + 49.315đ = 3.649.315đ$;

6. Ông Trịnh Thiện C: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $10.000.000đ + 169.863đ = 10.169.863đ$;

7. Bà Trần Thái Tú U: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $17.200.000đ + 345.205đ = 17.545.205đ$;

8. Ông Võ Hùng P: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $3.400.000đ + 46.575đ = 3.446.575đ$;

9. Ông Nguyễn Công K: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $10.000.000đ + 301.370đ = 10.301.370đ$;

10. Bà Từ Nguyễn Phi Y: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $1.600.000đ + 789.041đ = 2.389.041đ$;

11. Ông Hoàng Ngọc H3: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $4.160.000đ + 56.986đ = 4.216.986đ$;

12. Bà Nguyễn Thị P: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $12.400.000đ + 169.863đ = 12.569.863đ$;

13. Ông Hoàng Ngọc A: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $7.600.000đ + 104.110đ = 7.704.110đ$;

14. Bà Cao Thị Phương T: Số tiền gốc đã thu và lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước: $10.000.000đ + 136.986đ = 10.136.986đ$;

Tổng cộng: **154.616.986đ** (Một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

- Truy thu sung quỹ nhà nước **số tiền nợ gốc** mà những người đã vay của bị cáo nhưng chưa trả hết cho bị cáo, gồm những người sau:

1. Bà Bùi Thị H số tiền 40.400.000đ;

2. Bà Trịnh Thị Thu T số tiền 3.200.000đ;

3. Bà Vương Thị Hạ H2 số tiền 1.800.000đ;

4. Ông Nguyễn Minh Đ số tiền 3.200.000đ;

5. Ông Nguyễn Tùng D số tiền 1.400.000đ;

6. Ông Trịnh Thiện C số tiền 5.500.000đ;
7. Bà Trần Thái Tú U số tiền 22.800.000đ;
8. Ông Võ Hùng P số tiền 1.600.000đ;
9. Ông Nguyễn Công K số tiền 15.000.000đ;
10. Bà Từ Nguyễn Phi Y số tiền 28.400.000đ;
11. Ông Hoàng Ngọc H3 số tiền 3.840.000đ;
12. Bà Nguyễn Thị P số tiền 2.600.000đ;
13. Ông Hoàng Ngọc A số tiền 2.400.000đ.

Tổng cộng: **132.140.000đ** (*Một trăm ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*).

[2.7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền trả lại. Cụ thể:

59.243.014 đồng x 5% = 2.962.000 đồng (làm tròn) (*Hai triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đình H 02 (hai) năm** cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 04 ngày (tương ứng 12 ngày cải tạo không giam giữ); Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành 01 năm 11 tháng 18 ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hà Nội nhận được tài liệu của cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, thành phố Hà Nội.

Giao bị cáo Nguyễn Đình H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Đình H phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đình H.

*Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự

+ Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đình H số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp vào công quỹ Nhà nước.

*Về xử lý vật chứng và dân sự: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đình H tổng số tiền **154.616.986 đồng** (*Một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng*). (Là tiền gốc và lãi những người vay đã trả) là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội và tiền do bị cáo phạm tội mà có.

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình H trả lại số tiền **59.243.014 đồng** (*Năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng*) đã thu lợi bất chính của những người vay tiền, số tiền buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải trả lại cụ thể như sau: Trả cho Bà Bùi Thị H số tiền 13.610.959 đồng; Trả cho bà Trịnh Thị Thu T số tiền 1.606.849đồng; Trả cho bà Vương Thị Hạ H2 trả lại số tiền 1.937.671đồng; Trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền 1.606.849đồng; Trả cho ông Nguyễn Tùng D số tiền 850.685đồng; Trả cho ông Trịnh Thiện C số tiền 3.230.137đồng; Trả cho bà Trần Thái Tú U số tiền 6.954.795đồng; Trả cho ông Võ Hùng P số tiền 803.425đồng; Trả cho ông Nguyễn Công K số tiền 6.698.630đồng; Trả cho bà Từ Nguyễn Phi Y số tiền 13.610.959đồng; Trả cho ông Hoàng Ngọc H3 số tiền 1.243.014đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 2.930.137đồng; Trả cho ông Hoàng Ngọc A số tiền 1.795.890đồng; Trả cho bà Cao Thị Phương T số tiền 2.363.014đồng.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) tổng số tiền là **132.140.000đồng** (*Một trăm ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*), là số tiền nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Đình H, cụ thể số tiền truy thu của từng người như sau: Bà Bùi Thị H số tiền 40.400.000đồng; Bà Trịnh Thị Thu T số tiền 3.200.000đồng; Bà Vương Thị Hạ H2 số tiền 1.800.000đồng; Ông Nguyễn Minh Đ số tiền 3.200.000đồng; Ông Nguyễn Tùng D số tiền 1.400.000đồng; Ông Trịnh Thiện C số tiền 5.500.000đồng; Bà Trần Thái Tú U số tiền 22.800.000đồng; Ông Võ Hùng P số tiền 1.600.000đồng; Ông Nguyễn Công K số tiền 15.000.000đồng; Bà Từ Nguyễn Phi Y số tiền 28.400.000đồng; Ông Hoàng Ngọc H3 số tiền 3.840.000đồng; Bà Nguyễn Thị P số tiền 2.600.000đồng; Ông Hoàng Ngọc A số tiền 2.400.000đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 03 điện thoại di động, cụ thể: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr màu trắng có gắn 01 thẻ sim mạng Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có gắn 01 thẻ sim mạng Viettel, 01 thẻ sim mạng Vinaphone; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu xanh có gắn 01 thẻ sim mạng Viettel.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 17 bằng hình thức trả lại cho chủ sở H hợp pháp gồm: 01 căn cước công dân, 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị P cho bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1984, trú tại: Thôn 1, xã Hoà Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Ngọc A cho ông Hoàng Ngọc A, sinh năm 1995, trú tại xã Hoà Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 căn cước công dân mang tên Võ Hùng P cho ông Võ Hùng P, sinh năm 1999, trú tại 45/2 Lương Thế Vinh, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Ngọc

Long cho bà Trịnh Thị Thu T, sinh năm 1984, trú tại 112/7A Nguyễn Tri Phương, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 giấy khai sinh mang tên Vương Thị Hạ H1 cho bà Vương Thị Hạ H1, sinh năm 1990, trú tại 335/1Y Jút, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Minh Đ cho ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1997, trú tại 132 Trần Quý Cáp, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Tùng D cho ông Nguyễn Tùng D, sinh năm 1998, trú tại 181/9/28 Nguyễn Trường Tộ, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Thiện C cho ông Trịnh Thiện C, sinh năm 1987, trú tại buôn Cuôr Kăp, xã Hoà Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột; 01 căn cước công dân mang tên Hoàng Ngọc H2 cho ông Hoàng Ngọc H2, sinh năm 1991, trú tại 178 Quang Trung, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột.

***Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.962.000 đồng (*Hai triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Cúc